

**FACTORS DETERMINING THE
QUALITIES OF ENGLISH
INSTRUCTORS FROM ENGLISH
MAJORS' PERSPECTIVES**

Nguyen Anh Thi¹, Nguyen Huong Tra*¹,
Pham Trut Thuy², Huynh Thi Anh Thu¹,
Phuong Hoang Yen¹ and Le Thanh Thao¹

¹*School of Foreign Languages, Can Tho
University, Can Tho City, Vietnam*

²*Department of English, Nam Can Tho University,
Can Tho City, Vietnam*

*Corresponding author: Huong Tra Nguyen,
e-mail: nhuongtra@ctu.edu.vn

Received November 9, 2023.

Revised December 18, 2023.

Accepted January 21, 2024.

**YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH CHẤT
LƯỢNG GIÁNG VIÊN TIẾNG ANH
DƯỚI GÓC NHÌN CỦA SINH VIÊN
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

Nguyễn Anh Thi¹, Nguyễn Hương Trà*¹,
Phạm Trút Thùy², Huỳnh Thị Anh Thu¹,
Phương Hoàng Yến¹ và Lê Thanh Thảo¹

¹*Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Cần Thơ,
Cần Thơ, Việt Nam*

²*Bộ môn Tiếng Anh, Trường Đại học
Nam Cần Thơ, Cần Thơ, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Hương Trà,
e-mail: nhuongtra@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 9/11/2023.

Ngày sửa bài: 18/12/2023.

Ngày nhận đăng: 21/1/2024.

Abstract. The quality of teachers and their teaching are the top factors in determining the quality of graduates after they leave school, especially English major students. The data obtained from the students is divided into two main contents, including (1) Professional factors, and (2) non-professional factors. Regarding professional factors, an English teacher who is considered “qualified” according to the students needs to showcase two conditions: (1) a mastery of understanding teaching methods, and (2) sufficient preparation of extra teaching materials. Behaviors not related to the profession are referred to by the students to evaluate the quality of an English teacher, including (1) the teacher’s personality, (2) the teacher’s communication skills, (3) the teacher’s attitude towards students, and (4) adequate classroom management and problem-solving skills.

Keywords: Factors, qualities of English instructors, English major students

Tóm tắt. Giảng viên là một trong những nhân tố tiên quyết quyết định chất lượng đào tạo. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu quan điểm của sinh viên (SV) về các yếu tố quyết định chất lượng GV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Dữ liệu định tính được thu thập từ hoạt động phỏng vấn nhóm, tập trung vào hai nội dung chính bao gồm: (1) yếu tố chuyên môn và (2) yếu tố ngoài chuyên môn. Về yếu tố chuyên môn, một GV tiếng Anh được đánh giá là “chất lượng”, theo SV, cần phải thỏa mãn hai điều kiện sau. Thứ nhất là sự am hiểu về phương pháp giảng dạy và thứ hai là khả năng linh hoạt và đa dạng trong việc cung cấp nguồn tài liệu tham khảo có giá trị. Những biểu hiện không liên quan đến chuyên môn được SV đề cập để đánh giá chất lượng của GV tiếng Anh bao gồm: (1) tính cách của GV, (2) khả năng giao tiếp của GV, (3) thái độ của GV đối với SV và (4) kỹ năng quản lý lớp học cũng như giải quyết vấn đề.

Từ khóa: Yếu tố quyết định, chất lượng giảng viên tiếng Anh, sinh viên Ngôn ngữ Anh.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tiếng Anh được xem là một công cụ giao tiếp hữu hiệu. Đặc biệt, hiện nay, ngày càng có nhiều cơ quan, tổ chức quốc tế có liên hệ, hợp tác với Việt Nam thì việc giao tiếp tốt bằng tiếng Anh lại càng trở nên cấp thiết. Chính vì thế, chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách trong giáo dục nói chung và trong giảng dạy tiếng Anh nói riêng và đã thu hút sự quan tâm rất lớn từ các bên liên quan như học sinh, phụ huynh, v.v... Các chuyên ngành giảng dạy ngoại ngữ, trong đó có ngành Ngôn ngữ Anh (NNA) nhận được sự quan tâm đặc biệt của người học bởi tính cấp thiết và phù hợp với xu thế thời đại. Do đó, có rất nhiều học sinh phổ thông quyết định lựa chọn chuyên ngành NNA để theo học ở bậc cao đẳng, đại học. Cũng chính vì thế, hầu hết các cơ sở đào tạo đại học theo hướng đa lĩnh vực đều có đào tạo chuyên ngành NNA và đều có số lượng thí sinh dự tuyển và theo học ở mức cao (Bui & Intaraprasert, 2013) [1]. Tuy nhiên, chất lượng giảng dạy ngành này cũng đang đặt ra nhiều thách thức vì tình hình vẫn có một số phản hồi chưa thật sự tích cực về chất lượng đào tạo ngành NNA từ phía nhà tuyển dụng (Day & Ford, 1998) [2] mà trong đó chất lượng GV là một trong những yếu tố hàng đầu quyết định chất lượng của SV sau khi ra trường.

Định nghĩa về chất lượng GV đã được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới bàn luận. Theo đó, Kennedy (2008) [3] định nghĩa chất lượng của GV gồm những phẩm chất mà họ có để tác động tích cực đến kết quả học tập của người học. Những phẩm chất này bao gồm tính cách của GV, chất lượng giảng dạy và khả năng xây dựng mối quan hệ với người học. Goe (2007) [4] cho rằng chất lượng GV là một cụm từ vô cùng phức tạp vì phải thông qua rất nhiều bước để có thể đánh giá đúng chất lượng giảng dạy của một GV tiếng Anh. Cụ thể, chất lượng GV được đánh giá theo bốn tiêu chí: (1) trình độ học vấn, (2) tính cách, (3) chất lượng giảng dạy trong thực tế và (4) tác động của GV đối với người học. Tương tự, Timmering và cộng sự (2009) [5] liệt kê các tiêu chí đánh giá chất lượng GV bao gồm: (1) nhận thức về môi trường dạy và học, (2) nhận thức về vai trò của GV trong giáo dục, (3) năng lực chuyên môn và (4) tính cách của GV. Tóm lại, các yếu tố chuyên môn và ngoài chuyên môn đều tác động đến sự đánh giá chất lượng của GV. Tuy nhiên, tại Việt Nam, hiện chưa có nhiều nghiên cứu về vấn đề này. Do vậy, nghiên cứu hiện tại được thực hiện nhằm tìm hiểu nội dung chất lượng GV này được thực hiện thông qua nhận xét phản hồi của SV dựa theo hai tiêu chí nêu trên, bao gồm: (1) chuyên môn và (2) ngoài chuyên môn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu ý kiến của SV chuyên ngành NNA về biểu hiện của một GV tiếng Anh “chất lượng”. Nghiên cứu được thực hiện tại hai trường đại học thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Cụ thể, 50 SV (35 SV nữ và 15 SV nam), đang theo học chuyên ngành NNA được mời để tham gia vào nghiên cứu với vai trò là khách thể nghiên cứu. Trong số 50 SV, có 12 SV năm nhất, 11 SV năm hai, 15 SV năm ba và 12 SV năm tư. Do SV sẽ có những trải nghiệm khác nhau qua từng năm học nên nhóm tác giả đã chủ động mời SV từ tất cả các khóa tham gia nghiên cứu này. Nhằm đảm bảo quyền riêng tư, tính bảo mật cho khách thể nghiên cứu, tất cả các thông tin của SV đều được bảo mật tuyệt đối. Trong bài viết này, nhóm tác giả sử dụng bộ mã hóa số từ 01 đến 50 để đánh số thứ tự SV. Đồng thời, trước khi tham gia vào nghiên cứu này, tất cả SV cũng được thông tin rõ ràng rằng họ hoàn toàn có quyền dừng việc tham gia vào nghiên cứu hoặc yêu cầu nhóm tác giả không được sử dụng dữ liệu mà họ cung cấp dưới bất cứ hình thức nào.

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp định tính. Theo Sandelowski và Barroso (2002) [6], nghiên cứu định tính có thể giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu tường tận gốc rễ của vấn đề. Nói cách khác, nghiên cứu định tính giúp thu được những dữ liệu và kết quả có chiều sâu. Vì

vậy, phương pháp này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu. Để thu dữ liệu từ 50 SV, nhóm tác giả đã tổ chức 10 buổi phỏng vấn theo nhóm, mỗi nhóm bao gồm 05 SV. Theo Vaughn và cộng sự (1996) [7], phỏng vấn nhóm được thực hiện để thu số liệu bằng cách nhóm những người có cùng một mối quan tâm về một chủ đề nhất định để họ đưa ra ý kiến cá nhân đồng thời thảo luận những quan điểm khác nhau về vấn đề. Với cách thức thu thập dữ liệu này, nhóm tác giả khẳng định rằng có thể thu được những dữ liệu có giá trị cho việc tìm hiểu và giải thích ý kiến của SV về định nghĩa và biểu hiện của một GV tiếng Anh “chất lượng”.

Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài trung bình 60 phút, khoảng thời gian đủ để SV có thể đưa ra ý kiến nhận xét của mình về vấn đề thảo luận một cách chi tiết nhất. Ngôn ngữ sử dụng trong hoạt động phỏng vấn là tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ của người tham gia phỏng vấn. Thiết bị ghi âm thanh được bật xuyên suốt trong buổi phỏng vấn để thu lại nội dung thảo luận của SV, và việc này đã được sự đồng ý của SV. Dữ liệu thu được từ SV thông qua các buổi phỏng vấn được phân tích dựa vào các nhóm nội dung khác nhau thuộc hai loại biểu hiện của GV: (1) biểu hiện liên quan đến chuyên môn và (2) biểu hiện không liên quan đến chuyên môn.

Hoạt động phân tích dữ liệu được thực hiện theo 3 bước. Đầu tiên, nhóm tác giả tập trung nghe lại tất cả nội dung của các buổi phỏng vấn. Sau khi nghe lại các file ghi âm, nhóm tác giả thực hiện viết lại những nội dung đề cập về các biểu hiện của một GV tiếng Anh chất lượng vào một bảng mẫu đã được thiết kế phân loại sẵn theo các nội dung theo chủ đích của nghiên cứu. Vì thế, bảng mẫu hỗ trợ nhóm nghiên cứu trong việc phân biệt sự giống và khác biệt giữa ý kiến của từng SV đối với mục tiêu nghiên cứu. Cuối cùng, nhóm nghiên cứu tiến hành lựa chọn những chia sẻ mang tính đại diện của từng nhóm nội dung liên quan đến mục tiêu nghiên cứu để trình bày trong bài viết. Đồng thời, nhóm nghiên cứu so sánh và thảo luận về kết quả của nghiên cứu này với những nghiên cứu trước đây nhằm làm rõ các vấn đề nghiên cứu.

2.2. Kết quả và bàn luận

Dữ liệu thu được từ SV được chia làm hai nội dung chính: (1) yếu tố chuyên môn và (2) yếu tố ngoài chuyên môn.

2.2.1. Yếu tố chuyên môn

Về yếu tố này, một GV tiếng Anh được đánh giá là “chất lượng”, theo SV, cần phải có hai biểu hiện sau: (1) sự am hiểu về phương pháp giảng dạy và (2) khả năng cung cấp thêm nhiều nguồn tài liệu tham khảo có giá trị.

Sự am hiểu về phương pháp giảng dạy

Hầu hết SV đều cho rằng một GV tiếng Anh giỏi phải là người nắm rõ kiến thức về phương pháp giảng dạy. Cụ thể, SV16 chia sẻ: “*Thầy hay cho lớp thảo luận vào cuối giờ để giúp tụi em xem và hiểu bài. Em thấy những hoạt động thảo luận như vậy rất hiệu quả ạ.*” Tương tự, SV4 trình bày: “*GV dạy tiếng Anh của em xây dựng không khí học tập thông qua cách dạy hết sức vui nhộn; đồng thời cũng cho tụi em là việc với nhau rất nhiều. Em cảm thấy rất vui ạ!*” Sự am hiểu về phương pháp giảng dạy cũng được thể hiện rõ ở cách mà GV vận dụng các bài tập trong lớp học. SV9 cho biết: “*Em thấy bài tập trong sách rất hay. Nếu GV tiếng Anh của em có thể sử dụng các bài tập hay hoạt động trong sách hiệu quả thì bài giảng sẽ rất thú vị ạ.*” Bên cạnh đó, SV27 bày tỏ: “*Nếu phương pháp giảng dạy của GV tác động rất lớn đến động lực học của em. Nếu GV có phương pháp dạy hay thì em sẽ nhiệt tình tham gia các hoạt động, và ngược lại.*”

Một trong những yêu cầu quan trọng đối với một GV giỏi là họ cần nắm vững phương pháp giảng dạy để có được giờ dạy hiệu quả. Do đó, sự am hiểu về phương pháp giảng dạy đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc đánh giá chất lượng của GV (Getie, 2020; Goe, 2007; Timmering và cộng sự, 2019) [8], [4-5]. Ngược lại, nếu GV áp dụng các phương pháp dạy không hiệu quả, nó sẽ tác động trực tiếp đến động lực học của SV, và đồng thời tác động tiêu cực đến kết quả học tập của họ.

Khả năng cung cấp thêm nhiều nguồn tài liệu tham khảo

Ngoài tài liệu giảng dạy chính quy do Nhà trường hay Khoa chủ quản yêu cầu, SV cũng rất mong chờ những tài liệu bổ trợ được chia sẻ bởi GV tiếng Anh trên lớp vì nguồn tài liệu bổ trợ này cũng góp phần không nhỏ trong việc đánh giá chất lượng của GV tiếng Anh. Theo đó, SV19 đã chia sẻ: “GV của em cực kì giỏi. Đặc biệt, thầy có rất nhiều những tài liệu bổ trợ cho tụi em. Nhờ vào đấy mà em có nguồn tài liệu hay để học ở nhà và phát triển kĩ năng ngôn ngữ của mình.” Chia sẻ tương tự từ SV32: “GV của em thường xuyên giới thiệu những tài liệu bổ trợ cho tụi em học ạ. Hơn nữa, thầy ấy còn giới thiệu những phần mềm học tiếng Anh rất thú vị ạ.”

Việc có nguồn tài liệu bổ trợ mang ý nghĩa rất lớn trong việc mở rộng kiến thức và phát triển kĩ năng ngôn ngữ của SV. Do đó, những GV có cho mình tài liệu bổ trợ riêng, ngoài giáo trình chính, sẽ góp phần xây dựng một hình ảnh đẹp đối với SV; đồng thời cũng nâng cao chất lượng giảng dạy của mình (Kiliç & İlter, 2015; Tran & Hoang, 2023) [9], [10]. Có thể thấy, SV đã nhận thấy tầm quan trọng của tài liệu học tập trong việc học tiếng Anh của mình. Với nguồn tài liệu được cung cấp thêm từ GV, họ có thể tự học ở nhà. Từ đó, kết quả học tập sẽ được cải thiện, và vai trò của việc cung cấp tài liệu học tập ngoài chính quy lại càng rõ ràng.

2.2.2. Yếu tố ngoài chuyên môn

Những yếu tố không liên quan đến chuyên môn được SV đề cập khi đánh giá chất lượng của GV tiếng Anh bao gồm: (1) tính cách của GV, (2) khả năng giáo tiếp của GV, (3) thái độ của GV đối với SV và (4) kĩ năng quản lí lớp học và giải quyết vấn đề.

Tính cách của GV: Sự thân thiện

Đa số SV cho rằng sự thân thiện sẽ ảnh hưởng lớn đến đánh giá của họ về GV tiếng Anh. Vì vậy, SV7 trình bày: “GV của em rất là thân thiện ạ. Em cảm thấy việc học thoải mái hơn và dễ tiếp thu bài hơn.” Khác với SV 7, sự thiếu thân thiện của GV cũng tác động tiêu cực đến SV. Cụ thể, SV12 chia sẻ: “Em khá e ngại trong việc học với các GV khó tính. Em cảm thấy áp lực khi làm việc với họ. Tất nhiên, em hiểu rằng việc dễ tính quá sẽ gây ra một số điều không hay, như là các bạn sẽ không tập trung hoặc lớp sẽ ồn ào ạ”.

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV có xu hướng thích học tập với các GV thân thiện hơn là các GV lạnh lùng và khó tính. Kết quả này khá tương đồng với những gì Chen (2012) [11] đã tìm được trong nghiên cứu của mình. Mặc dù việc quá dễ dãi với các vấn đề trong lớp sẽ gây ra nhiều phiền phức trong việc quản lí lớp học, nhưng việc duy trì một bầu không khí thân thiện và dễ chịu sẽ giúp cả GV và SV thoải mái trong việc chia sẻ ý kiến của mình, và điều này đóng vai trò rất quan trọng trong việc dạy và học tiếng Anh. Do đó, khi lên lớp, GV cần lan toả bầu không khí dễ chịu cho SV bằng sự thân thiện của mình, thay vì tạo ra áp lực cho họ. Chính yếu tố này cũng nâng cao chất lượng giảng dạy của GV.

Tính cách của GV: Sự nhiệt tình

Kết quả cho thấy sự nhiệt tình của GV có tác động trực tiếp đến thái độ học tập của SV. Nhằm minh họa, SV21 chia sẻ: “Em càng ngày càng yêu thích tiếng Anh hơn nhờ vào sự nhiệt tình của GV ạ.” Tương tự, SV35 cho biết: “GV của em rất nhiệt tình luôn. Môn Viết rất khó và em cũng yếu môn đó. Tuy nhiên, nhờ vào sự nhiệt tình của giảng viên, em cũng cố gắng hơn để học và tiến bộ.”

Từ những chia sẻ của SV cho thấy, GV tiếng Anh cần nhận thức được vị trí và trách nhiệm của bản thân đối với SV và công việc. SV hoàn toàn có thể cảm nhận được mức độ nhiệt tình của GV để đánh giá giảng viên đó có thật sự đang làm việc một cách nghiêm túc không. Điều này cũng được Getie (2020) [8] khẳng định rằng thiếu sự nhiệt tình trong giảng dạy, chất lượng giảng dạy của GV và kết quả học tập của SV cũng bị ảnh hưởng một cách tiêu cực.

Tính cách của GV: Sự tận tâm

Sự tận tâm của GV có tác động lớn đến thái độ học tập của SV. Cụ thể, nhiều SV đã bày tỏ lòng biết ơn đối với những GV đã tận tâm giảng dạy họ. Thí dụ, SV29 chia sẻ: “GV của em rất là tận tâm và điều này khuyến khích em cố gắng rất nhiều ạ. Hơn nữa, nhận thấy sự tận tâm

của thầy ấy cũng cho em nhiều năng lượng hơn”. Một trường hợp khác, SV23 cho rằng: “*Em muốn cảm ơn đến GV của em vì cô ấy rất là tận tâm và hi sinh vì chúng em ạ. Cô giúp em rất nhiều trong việc học từ vựng, thứ mà thiếu rất nhiều ạ. Nhờ vậy mà em đã có nhiều kết quả học tập tốt hơn*”.

Liên quan đến yếu tố này, Kim và cộng sự (2019) [12] cũng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tận tâm đối với chất lượng giảng dạy của GV. Có thể thấy, việc nhận thấy sự hy sinh của GV (thời gian, công sức) đã có tác động tích đến động lực và thái độ học tập của SV. Do vậy, họ mang lòng biết ơn và sự ngưỡng mộ đối với GV, yếu tố tác động trực tiếp đến thời gian họ dành cho việc học và tác động gián tiếp đến kết quả học tập của họ. Những phân tích trên đây cho thấy thiếu đi sự tận tâm đến từ GV, SV sẽ không thể phát huy hết tiềm năng học tập của mình.

Tính cách của GV: Tinh thần trách nhiệm

Nhiều SV cho rằng mình sẽ mất động lực nếu phải học cùng với những GV thiếu tinh thần trách nhiệm. Cụ thể, SV8 trình bày: “*Em nghĩ GV cần có tinh thần trách nhiệm cao với việc dạy của mình. GV cần đến lớp đầy đủ số buổi dạy và mang đến lớp những bài học có sự đầu tư.*” Tương tự, SV39 chia sẻ: “*Theo em, GV cần phải đảm bảo số buổi dạy của mình. Nếu vắng vì lý do gì đó thì GV nên cho SV biết trước và cùng nhau thảo luận về việc học bù ạ.*”

Qua những ý kiến trên cho thấy hành vi của GV ảnh hưởng rất lớn đến thái độ học tập của SV. Vì thế, GV phải ý thức được hành vi của mình tác động như thế nào đến cả việc học và lối sống sau này của SV (Kennedy, 2008) [3]. Do SV nhấn mạnh việc lên lớp đủ số buổi quy định sẽ tác động lớn đến việc học của họ nên việc đảm bảo số buổi lên lớp trở thành tiêu chí để đánh giá tinh thần trách nhiệm của GV.

Tính cách của GV: Tính kỷ luật

Tính kỷ luật của GV được thể hiện qua hai khía cạnh: (1) sự đúng giờ và (2) sự vắng mặt có hoặc không có lý do. Khi đề cập đến sự đúng giờ của GV, SV5 cho rằng: “*Em nghĩ là GV cần thông báo việc đến lớp học trễ sớm hơn để chúng em không cần phải đợi chờ trong vô vọng. Việc này diễn ra không thường xuyên, nhưng em nghĩ GV nên tránh.*” Trong khi đó, SV22 đề cập đến sự vắng mặt của GV như sau: “*Em rất thích học với một thầy ạ. Tuy nhiên, thầy hay bận các công việc khác nên không đến lớp được. Điều này khiến tụi em không học được nhiều từ thầy. Cũng hơi tiếc ạ.*”

Có thể thấy tính kỷ luật là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục (Chen, 2012) [11]. Sự cam kết của GV đối với nghề dạy sẽ được thể hiện rất rõ thông qua tính kỷ luật của họ. Nói cách khác, GV càng có tính kỷ luật thì họ càng gắn bó với nghề dạy và ngược lại. Ngoài ra, Getie (2020) [8] cho rằng GV còn đóng vai trò như một hình mẫu cho SV noi theo. Như đề cập của SV, việc GV đến trễ cần được thông báo từ sớm để tránh mất thời gian của SV. Mặc dù điều này được đề cập là “không thường xuyên”, nhưng nó cũng cho thấy SV nhận thức rất rõ việc GV của họ có tính kỷ luật hay không. Do vậy, nếu GV hành động thiếu kỷ luật thì sẽ ảnh hưởng xấu đến hành vi của SV sau này.

Khả năng giao tiếp của GV: Cách phản hồi ý kiến của SV

Việc nhận xét và phản hồi đối với việc học của SV cũng góp phần lớn đến sự phát triển của các em sau này, đồng thời phản ảnh phần nào chất lượng giảng dạy của GV. Thực tế, nhiều SV đã bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với các phản hồi mang tính xây dựng và hiệu quả của GV tiếng Anh đối với việc học của họ. Cụ thể, SV24 chia sẻ: “*Em rất cảm kích đối với các phản hồi của GV ạ. Những nhận xét đó giúp em hiểu hơn về trình độ của mình, đồng thời giúp em biết được mình nên làm gì để phát triển.*” Tương tự, SV26 cũng đồng thuận, cho rằng: “*GV của em luôn ghi chú lại từng lỗi của em và bạn em ạ. Sau đó, thầy sẽ nhận xét cho tụi em sửa và tiến bộ.*”

Thật vậy, nhận xét của GV đối với việc học của SV đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của họ (Spolsky, 1972) [13]. Do đó, GV cần cho SV những nhận xét đúng và chi tiết. Đồng thời, nhận xét cũng phải mang tính xây dựng, tránh ảnh hưởng đến tâm lý của SV. Nhờ vào

những nhận xét của GV, SV không chỉ phát triển khả năng của họ mà còn gia tăng sự tin tưởng đối với GV.

Khả năng giao tiếp của GV: Duy trì sự gắn kết giữa GV và SV

Việc duy trì và phát triển sự gắn kết giữa GV và SV trong khuôn khổ luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu để quyết định sự thành công hay thất bại của một lớp học. Nhiều SV cho rằng những buổi trò chuyện hiệu quả góp phần lớn vào việc phát triển động lực học của SV. Cụ thể, SV18 và 37 cùng chia sẻ:

“GV của em thường hay dành thời gian quý báu của thầy để trò chuyện với tụi em. Điều này khiến em rất là biết ơn thầy. Tụi em đã học được rất nhiều từ kinh nghiệm của thầy. Bên cạnh đó, thông qua các buổi trò chuyện sau giờ học này, em cảm thấy khoảng cách giữa tụi em và thầy ấy cũng ngắn lại, và việc học cũng trở nên thoải mái và hiệu quả hơn”. (SV18)

“Em thường hay cảm thấy xa cách với GV lắm ạ. Điều này cũng ảnh hưởng đến sự thoải mái của tụi em đối với việc học. Tuy nhiên, học kì này em có cơ hội học chung với một GV. Thầy ấy giành rất nhiều thời gian để trò chuyện với tụi em sau giờ học mặc dù thầy ấy rất bận. Điều này khiến em học tốt hơn, thoải mái hơn”. (SV37)

Kết quả nghiên cứu cho thấy, một mối quan hệ tốt sẽ giúp cho việc dạy và học được tốt hơn (Day & Ford, 1998) [2]. Bên cạnh đó, Spolsky (1972) [13] cũng cho rằng dạy và học không thể nào hiệu quả nếu thiếu sự giao tiếp và gắn kết giữa người dạy và người học. Do vậy, việc trò chuyện sau giờ học có thể được xem là một phương pháp hữu hiệu góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Hơn nữa, GV có khả năng giao tiếp đủ tốt khi thực hiện các buổi trò chuyện sau giờ học sẽ làm việc học của SV hiệu quả hơn.

Khả năng giao tiếp của GV: Sự hài hước

Một kết quả thú vị từ nghiên cứu này cho thấy sự hài hước của GV có tác động đến chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên, nếu GV sử dụng những nội dung hài hước không phù hợp trong khi lên lớp thì sẽ gây ra những hệ lụy đến việc dạy và học tiếng Anh, như SV17 đã đề cập: *“Có một lần, GV dạy tiếng Anh lấy thân tượng của tụi em ra đùa, và nó khiến tụi em cảm thấy nó ảnh hưởng xấu đến mối quan hệ của tụi em với GV đó.”* Thêm vào đó, SV36 chia sẻ: *“Em nghĩ một vài GV nên cẩn thận hơn với lời nói của mình ý ạ. Em thì không sao, tuy nhiên có một số bạn rất dễ bị tổn thương nếu GV mang họ ra làm trò đùa.”*

Timmering và cộng sự (2009) [5] đã liệt kê ra những điểm tốt mà GV có thể mang đến lớp với sự hài hước của họ, bao gồm làm không khí lớp học tốt hơn, tăng chất lượng của việc dạy và học. Tuy nhiên, nếu sử dụng sai sự hài hước trong lớp học, nó có thể bị phản tác dụng, gây ra các hệ lụy nguy hiểm như tổn thương cảm xúc của SV, vi phạm các luật trong giáo dục và tôn giáo, hoặc khiến cho SV cảm thấy bị lạc lõng nếu bị mang ra làm trò đùa (Chen, 2012) [11]. Do vậy, nhận thức được tầm quan trọng về tác dụng và liều lượng sử dụng những nội dung hài hước trong lớp cũng góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy và chất lượng của một GV tiếng Anh.

Thái độ của GV đối với SV

Nghiên cứu này cho thấy có nhiều SV tỏ ra cảm kích đối với những GV quan tâm đến họ, không chỉ ở trong lớp mà còn các vấn đề ở ngoài lớp học. Về điều này, SV8 đã nhận xét rằng: *“GV rất quan tâm đến việc học của tụi em ạ. Do đó, thầy ấy nắm bắt được khả năng của tụi em, điểm mạnh và yếu. Từ đó, thầy cho tụi em những lời khuyên phù hợp.”* SV22, có cảm nhận tương tự, trình bày: *“Tụi em đã có một khoảng thời gian học hết sức tuyệt vời vì có GV quan tâm và chịu lắng nghe tụi em trong học kì vừa qua.”*

Từ kết quả có được có thể khẳng định rằng, khi GV càng quan tâm đến SV thì sự cảm thông của GV đối với các em càng cao hơn (Getie, 2020) [8] và cũng phản ánh thái độ của GV đối với SV. Việc này rất quan trọng đối với việc học của SV vì họ đôi khi cần sự hỗ trợ, sự lắng

nghe, thấu hiểu từ GV nhiều hơn so với việc chỉ đến lớp để ghi chép lại những gì GV truyền đạt trên lớp.

Kỹ năng quản lý lớp học và giải quyết vấn đề

Về vấn đề này, SV cho rằng khả năng quản lý lớp lúc kiểm tra, thi cử cũng phần nào đánh giá được chất lượng của GV. Cụ thể, SV2 trình bày: “*Các bạn trong lớp hay gian lận trong thi cử lắm ạ. Nếu GV mà không để ý là dễ gây ra sự thiếu công bằng.*” Cùng quan điểm, SV44 chia sẻ: “*Mặc dù GV của em cực kì giỏi, nhưng cô đôi khi không nhận ra gian lận khi thi cử. Cho nên, nhiều bạn học không thật sự nghiêm túc đôi khi lại được điểm cao một cách vô lí.*”

Ngoài khả năng nhận diện gian lận trong thi cử, khả năng giải quyết vấn đề của GV cũng được đề cập. SV20 chia sẻ: “*GV rất thấu hiểu cho hoàn cảnh của từng SV. Ví dụ, em có lần bạn việc gia đình nên không thể kịp nộp bài cho cô. Cô không những đồng ý cho em nộp trễ và còn hỏi thăm về vấn đề của em nữa ạ. Sự uyển chuyển trong cách giải quyết vấn đề kiểu vậy, theo em, là rất quan trọng*”.

Để giúp SV học tập tốt, GV phải là người có khả năng giải quyết vấn đề xảy ra trong lớp. Nếu GV thiếu khả năng này, SV sẽ cảm thấy thiếu sự công bằng và thấu hiểu đến từ GV (Conteh, 2002) [14]. Từ đó, mối quan hệ giữa SV và GV một trong những yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến việc dạy và học, sẽ bị lung lay. Vì vậy, GV cần có những kỹ năng quản lý lớp học với sự uyển chuyển cần thiết để tránh gò bó trong một qui tắc, đôi khi không phù hợp với một hoàn cảnh nhất định.

3. Kết luận

Nghiên cứu sử dụng công cụ phỏng vấn nhóm để thu dữ liệu từ 50 SV bậc đại học. Mục tiêu của nghiên cứu là tìm hiểu nhận xét của SV về GV tiếng Anh của mình để đánh giá chất lượng của GV. Kết quả cho thấy có hai tiêu chí lớn để đánh giá chất lượng GV, bao gồm: (1) yếu tố chuyên môn và (2) yếu tố ngoài chuyên môn. Đối với yếu tố chuyên môn, GV cần có sự am hiểu về phương pháp giảng dạy, có khả năng cung cấp tài liệu tham khảo chất lượng, cũng như kỹ năng quản lý lớp học và giải quyết vấn đề. Để phát triển chuyên môn của GV, đơn vị quản lý cần phải tổ chức các cuộc tập huấn phát triển chuyên môn thường xuyên và chất lượng. Đối với yếu tố ngoài chuyên môn, chất lượng GV sẽ được đánh giá dựa vào tính cách, khả năng giao tiếp, thái độ của GV đối với SV và kỹ năng quản lý lớp và xử lý vấn đề. Bản thân GV phải là người nhận thức được vai trò và nhiệm vụ của mình đối với sự phát triển của SV, cả về học thuật lẫn tâm lí. Để có một chương trình giảng dạy chất lượng, đội ngũ giảng dạy cần phải có chất lượng tương xứng. Không có đội ngũ GV có chất lượng thì SV sẽ không thể phát triển một cách tối ưu. Mặc dù nghiên cứu này mang đến những kết quả quan trọng cho việc phát triển đội ngũ giảng dạy tại bậc đại học, nhưng số lượng SV vẫn chưa đủ lớn để có thể phổ quát kết quả nghiên cứu. Do đó, các nghiên cứu được thực hiện sau đó được khuyến khích gia tăng số lượng khách thể nghiên cứu. Bên cạnh đó, các công cụ nghiên cứu khác như bảng khảo sát hoặc dự giờ hứa hẹn mang đến những kết quả tích cực. Ngoài ra, các nghiên cứu về phát triển năng lực chuyên môn của GV cũng nên được quan tâm nhiều hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thanh Trang B & Intaraprasert C, (2013). The effects of attitude towards speaking English and exposure to oral communication in English on use of communication strategies by English majors in Vietnam. *International Journal of Science and Research Publications*, 3(2), 1-9.
- [2] Day R & Ford B, (1998). *Extensive reading in the second language classroom*. Cambridge University Press.

- [3] Mary M K, (2008). Sorting out teacher quality. *Phi Delta Kappan*, 90(1), 59– 63.
- [4] Laura G, (2007). The link between teacher quality and student outcomes: A research synthesis. *National comprehensive center for teacher quality*.
- [5] Timmering L, Snoek M & Dietze A, (2009). Identifying teacher quality: Structuring elements of teacher quality. In *34th annual Association for Teacher Education in Europe Conference 2009* (pp. 376-388). ATEE.
- [6] Sandelowski & Barroso J, (2002). Finding the findings in qualitative studies. *Journal of Nursing Scholarship*, 34(3), 213-219.
- [7] Vaughn S, Schumm J S & Sinagub J M, (1996). *Focus group interviews in education and psychology*. Sage.
- [8] Addisu S G, (2020). Factors affecting the attitudes of students towards learning English as a foreign language. *Cogent Education*, 7(1), 1738184.
- [9] Kiliç Z V & İltar B G, (2015). The effect of authentic materials on 12th-grade students' attitudes in EFL classes. *ELT Research Journal*, 4(1), 2-15.
- [10] Quoc Thao T & Thi Quynh Nhu H, (2023). EFL learners' perceptions of the use of authentic materials for reading comprehension in IELTS preparation courses. *HNUE Journal of Education*, 68(4), 11-20.
- [11] Jun C, (2012). Favorable and unfavorable characteristics of EFL teachers perceived by university students in Thailand. *International Journal of English Linguistics*, 2(1), 213-219.
- [12] Kim L E, Jörg V & Klassen R M, (2019). A meta-analysis of the effects of teacher personality on teacher effectiveness and burnout. *Educational Psychology Review*, 31(1), 163-195.
- [13] Bernard S, (1972). *Review of H.V. George, Common Errors in Language Learning: Insights from English. A Basic Guide to The Causes and Prevention of Students' Errors in Foreign Language Learning*. Newbury House.
- [14] Morgan C, (2002). Connecting the dots: Limited English proficiency, second language learning theories, and information literacy instruction. *Journal of Academic Librarian Ship*, 28(4), 191–196.